

Số: **4216/QĐ-UBND**

Quảng Ngãi, ngày **28** tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 23/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 2231/QĐ-BTC ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 119/2018/TT-BTC ngày 05/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh khoá XII, kỳ họp thứ 12: số 27/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; số 11/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 3245/STC-NS ngày 28/12/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi đối với ngân sách địa phương

1. Năm 2019, việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương thực hiện theo quy định tại Quyết định số 685b/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh.

2. Năm 2019 là năm thứ ba trong thời kỳ ổn định ngân sách (*giai đoạn 2017 - 2020*) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (*viết tắt là NSNN*), thực hiện ổn định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách tỉnh và ngân sách cấp huyện, cấp xã; đối với số bổ sung cân đối ngân sách, ngân sách tỉnh bổ sung tăng thêm so với mức bổ sung cân đối ngân sách năm 2017 đã được HĐND tỉnh quyết định cho ngân sách cấp huyện; bổ sung cho ngân sách địa phương (*viết tắt là NSDP*) để thực hiện tiền lương cơ sở 1,39 triệu đồng/tháng được UBND tỉnh giao cho từng địa phương tại Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 17/12/2018.

3. Nguồn thu tiền sử dụng đất được thực hiện theo tiến độ thu trong năm; bố trí để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, các dự án di dân, tái định cư, chuẩn bị mặt bằng xây dựng; bố trí 50 tỷ đồng để thực hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Tiền thu từ đầu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất (*phần ngân sách cấp huyện được điều tiết*) trên địa bàn các xã đang thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới (*kể cả những xã đã đạt chuẩn nông thôn thôn mới*), sau khi trừ các khoản chi phí có liên quan và trích 20% để thực hiện công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, được để lại 50% bằng hình thức bổ sung có mục tiêu cho ngân sách xã để thực hiện xây dựng nông thôn mới.

4. Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết (*viết tắt XSKT*), thực hiện theo tiến độ thu trong năm, sử dụng cho chi đầu tư phát triển; trong đó bố trí tối thiểu 60% để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề và lĩnh vực y tế và phải bố trí ít nhất 10% để thực hiện chương trình nông thôn mới. Sau khi đã bố trí vốn đảm bảo hoàn thành các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực nêu trên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, số thu còn lại (*nếu có*) bố trí cho các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP. Số tăng thu thực hiện từ hoạt động XSKT so với dự toán HĐND tỉnh giao (*nếu có*), được chủ động phân bổ chi đầu tư cho các công trình quan trọng, trong đó ưu tiên cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế và nông nghiệp, nông thôn, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Điều 2. Giao dự toán thu ngân sách

1. Các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố triển khai giao nhiệm vụ thu ngân sách năm 2019 (*bao gồm giao nhiệm vụ thu sự nghiệp*) cho các đơn vị trực thuộc, UBND cấp xã đảm bảo tối thiểu bằng mức dự toán thu ngân sách UBND tỉnh giao.

2. Việc phân bổ, giao dự toán thu NSNN năm 2019 phải trên cơ sở rà soát, phân tích, đánh giá đầy đủ các nguồn thu phát sinh và kết quả thực hiện thu ngân sách năm 2018; căn cứ các chính sách, pháp luật về thu ngân sách; dự báo mức tăng trưởng kinh tế của từng ngành, từng lĩnh vực, tình hình sản xuất - kinh doanh của người nộp thuế trên địa bàn; tăng cường công tác thanh

tra, kiểm tra thuế, chống thất thu thuế; ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, chuyển giá, trốn thuế; tăng cường đôn đốc thu tiền nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế, hạn chế nợ mới phát sinh, thu hồi kịp thời số tiền thuế, tiền phạt, các khoản thu theo kiến nghị của cơ quan kiểm toán, kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra và các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Điều 3. Phân bổ và giao dự toán chi ngân sách địa phương

1. Phân bổ và giao dự toán chi đầu tư phát triển:

a) Thực hiện phân bổ, giao dự toán chi đầu tư phát triển nguồn NSNN phải tuân thủ đúng quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn. Bố trí vốn cho các dự án thuộc danh mục dự kiến bố trí trong trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2016 - 2020 đã có đầy đủ quyết định đầu tư, ưu tiên tập trung đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành các chương trình, dự án quan trọng của tỉnh, dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2019, vốn đối ứng các chương trình, dự án ODA và các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư, bố trí vốn để thanh toán 50% tổng số nợ đọng xây dựng cơ bản và tối thiểu 30% số vốn ứng trước nguồn NSNN giai đoạn 2016 - 2020 còn lại chưa thanh toán; sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, nếu còn nguồn mới xem xét bố trí cho dự án khởi công mới đã có đủ thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật, trong đó ưu tiên dự án cấp bách về phòng chống, khắc phục hậu quả lũ lụt, thiên tai, bảo vệ môi trường.

b) Ngoài việc thực hiện phân bổ, bố trí vốn và giao dự toán chi đầu tư phát triển như trên, cần chú ý một số nội dung sau:

- Căn cứ dự toán chi đầu tư phát triển đã được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, UBND tỉnh giao, bố trí thanh toán đủ các khoản chi trả nợ lãi, phí và các chi phí phát sinh khác từ tiền vay theo cam kết và dành nguồn tương ứng số bội thu ngân sách cấp tỉnh để trả nợ gốc các khoản vay của NSDP đến hạn phải trả trong năm 2019; phần còn lại mới phân bổ vốn cho các công trình, dự án, trong đó bố trí, cân đối đủ vốn cho các dự án, chương trình được ngân sách Trung ương hỗ trợ một phần để thực hiện các mục tiêu theo quy định.

- Việc phân bổ, giao vốn thực hiện các dự án đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách (nếu có) đảm bảo phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, khả năng vay và giới hạn mức vay được phép.

- Ưu tiên bố trí từ nguồn vốn đầu tư phát triển của NSDP cho các dự án đầu tư tái tạo rừng từ nguồn thu thuế tài nguyên đối với gỗ rừng tự nhiên phát sinh hàng năm theo quy định của pháp luật.

- Bố trí đủ vốn đối ứng cho các dự án ODA do địa phương quản lý từ NSDP theo quy định.

2. Phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên:

a) Các cơ quan tỉnh và các huyện, thành phố:

- Phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải đảm bảo khớp đúng dự toán được UBND tỉnh giao cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi; phân bổ dự toán chi phải bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, đảm bảo bố trí đủ kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ đã ban hành, những nhiệm vụ quan trọng theo quy định của pháp luật, những nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Từ ngày 01/01/2019, kinh phí đánh giá quy hoạch được bố trí dự dự toán kinh phí thường xuyên theo quy định của Luật Quy hoạch.

Đồng thời, việc phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên năm 2019 cho các đơn vị SNCL thực hiện theo các Nghị định của Chính phủ: số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác; các quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền và Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2017 - 2025; Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 04/6/2018 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ và Kế hoạch số 126-KH/TU ngày 05/4/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Ngoài các nội dung nêu trên, các sở, ngành và các huyện, thành phố đảm bảo bố trí kinh phí thực hiện công tác kiểm tra, kiểm nghiệm, xử lý tiêu hủy thực phẩm không an toàn và đầu tư trang thiết bị kỹ thuật cho các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ xử lý vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm tương ứng với số thu tiền xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm được hưởng theo phân cấp NSNN hiện hành.

- Đối với chi sự nghiệp giáo dục – đào tạo và dạy nghề: Phân bổ, giao dự toán chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới không thấp hơn mức dự toán chi được UBND tỉnh giao.

- Đối với chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Việc phân bổ chi cho các hoạt động khoa học và công nghệ của NSĐP được thực hiện theo quy định của Luật NSNN, Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn. Ưu tiên bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ kết thúc năm 2019, nhiệm vụ chuyển tiếp, chi cho các đề tài ứng dụng khoa học công nghệ vào phục vụ sản xuất nông nghiệp, tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh, khuyến công, khuyến lâm, khuyến ngư, hoạt động khởi nghiệp,...

- Đối với chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: UBND cấp huyện căn cứ dự toán UBND tỉnh giao, chế độ chính sách, khối lượng nhiệm vụ phải thực hiện, căn cứ vào thực tế của địa phương, trình HĐND cùng cấp quyết định. Không

bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường cho các công trình có tính chất đầu tư, xây dựng; ưu tiên phân bổ kinh phí cho công tác bảo vệ môi trường tại nơi có hoạt động khai thác khoáng sản; tập trung kinh phí xử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích, vệ sinh môi trường trong các trường học, bãi xử lý rác thải, xử lý các điểm nóng về môi trường.

- Chủ động bố trí kinh phí thuộc nhiệm vụ chi của cấp mình để thực hiện: Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, công tác hòa giải ở cơ sở theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở và triển khai thực hiện Đề án tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013-2020; công tác dân số theo Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017; thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông, ưu tiên cho lực lượng công an, thanh tra giao thông vận tải và xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Nội dung chi, mức chi được thực hiện theo quy định riêng của Bộ Tài chính; thực hiện quản lý, bảo trì đường bộ thuộc trách nhiệm địa phương theo phân cấp; chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016-2020 và hỗ trợ vụ việc tham gia tố tụng có tính chất phức tạp theo quy định tại Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg ngày 08/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện Dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ, địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính theo Quyết định số 874/QĐ-TTg ngày 25/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ; công tác quản lý đất đai, sớm hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định; kinh phí rà soát, đo đạc, cắm mốc, lập bản đồ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp; kinh phí đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Chỉ thị số 144/CT-TTg ngày 24/8/2011, Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 191/QĐ-TTg ngày 08/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Căn cứ dự toán ngân sách giao năm 2019, các huyện, thành phố bố trí kinh phí để thực hiện các chính sách, chế độ Trung ương, tỉnh ban hành đến thời điểm giao dự toán ngân sách năm 2019, nhất là kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội, để các đối tượng được hưởng chính sách ngay từ đầu năm 2019. Các chế độ đã tính năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, các huyện, thành phố chủ động bố trí kinh phí đã được giao để thực hiện. Kết thúc năm, các huyện, thành phố chịu trách nhiệm báo cáo quyết toán cụ thể kinh phí chi trả cho từng chính sách, chế độ an sinh xã hội (*chi tiết cho từng chính sách, chế độ*); trường hợp thừa, thiếu so với mức đã bố trí dự toán năm 2019, Sở Tài chính sẽ tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét xử lý trong quá trình điều hành ngân sách năm 2019 hoặc trong dự toán các năm tiếp theo đối với kinh phí thuộc nhiệm vụ chi Trung ương và của tỉnh.

c) Đối với các chế độ chính sách do Trung ương, tỉnh ban hành chưa được tính trong định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN theo Quyết định số 684b/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh và Nghị quyết số 31/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 12 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 30/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh khóa XII (*các chính sách tăng thêm do tiêu chí chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều và các chính sách NSNN hỗ trợ khi có đối tượng tham gia như kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; bảo hiểm y tế cho hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình;...*), các cơ quan, đơn vị và các huyện, thành phố chủ động rà soát đối tượng được hưởng và sử dụng nguồn NSDP để thực hiện, đồng thời báo cáo kịp thời gửi Sở Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền để bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị và các huyện, thành phố trong quá trình điều hành ngân sách năm 2019 theo quy định.

d) Các cơ quan, đơn vị tỉnh, địa phương trên cơ sở dự toán NSNN được giao, chủ động bố trí các nhiệm vụ chi gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập, phấn đấu tăng các nguồn thu theo quy định để dành nguồn thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở lên mức 1,49 triệu đồng/tháng từ ngày 01/7/2019.

3. Phân bổ, giao dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu:

a) Căn cứ dự toán chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình mục tiêu và một số nhiệm vụ khác do Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã giao; các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố thực hiện phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới chi tiết theo nội dung, dự án thành phần thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia cho các đơn vị trực thuộc phù hợp với nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình, dự án và theo quy định hiện hành. Đồng thời, bố trí dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nhằm thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

b) Căn cứ vào tình hình thực tế quyết định việc tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương đảm bảo vốn đối ứng từ NSDP theo quy định.

c) Cùng với nguồn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, ngân sách cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố bố trí NSDP và huy động hợp lý các nguồn lực khác để thực hiện 02 Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và các chương trình mục tiêu.

4. Bố trí dự phòng ngân sách các cấp chính quyền địa phương theo quy định của Luật NSNN để chủ động sử dụng cho các nội dung chi quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật NSNN.

5. Trong quá trình quyết định phân bổ dự toán thu, chi ngân sách, trường hợp HĐND quyết định dự toán thu ngân sách cấp mình được hưởng theo chế độ quy định cao hơn mức cấp trên giao, thì dự toán chi bố trí tăng thêm tương ứng (*không kể tăng chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết*), sau khi dành 50% thực hiện cải cách tiền lương theo quy định, phần còn lại cần ưu tiên bổ sung dự phòng ngân sách địa phương, tăng quỹ dự trữ tài chính (*đối với cấp tỉnh*) để chủ động trong quá trình điều hành ngân sách, nguồn còn lại khả năng đạt được dự toán thu mới phân bổ để thực hiện những nhiệm vụ, chế độ, chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định, xử lý thanh toán nợ khối lượng xây dựng cơ bản theo chế độ quy định.

6. Các cơ quan có thẩm quyền giao kế hoạch vốn đầu tư cho các chủ đầu tư chi tiết đến Loại, Khoản của Mục lục NSNN theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mục lục ngân sách.

Đơn vị dự toán cấp I lập phương án phân bổ chi thường xuyên, chi chương trình mục tiêu quốc gia, chi chương trình mục tiêu giao cho đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc, chi tiết đến Loại, Khoản và mã dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mục lục ngân sách.

7. Đối với cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 7/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, việc phân bổ và giao dự toán thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

8. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại các Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, việc phân bổ và giao dự toán thu, chi NSNN căn cứ vào nhiệm vụ được giao năm 2019, phân loại đơn vị sự nghiệp, dự toán kinh phí NSNN bảo đảm hoạt động thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định được cấp có thẩm quyền phê duyệt (*đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, tự bảo đảm chi thường xuyên, tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên*); dự toán chi tiết theo 2 phần: Phần dự toán chi NSNN bảo đảm chi thường xuyên, phần dự toán chi nhiệm vụ không thường xuyên.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được cơ quan có thẩm quyền giao cơ chế tự chủ thì phân bổ và giao dự toán chi vào phần dự toán chi nhiệm vụ không thường xuyên.

9. Ngoài các nội dung phân bổ, giao dự toán được quy định tại Quyết định này, các sở, ban ngành và các huyện, thành phố còn phải thực hiện đúng quy định liên quan khác của Luật NSNN, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật NSNN và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2019.

Điều 4. Thực hiện cơ chế tài chính tạo nguồn để thực hiện chế độ tiền lương, trợ cấp trong năm 2019

1. Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố khi phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị trực thuộc, cho ngân sách cấp dưới phải xác định dành tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2019 (*trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ*) theo quy định để tạo nguồn cải cách tiền lương đảm bảo không thấp hơn mức UBND tỉnh đã giao.

2. Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2019 của các huyện, thành phố bao gồm:

a) 50% tăng thu ngân sách huyện, thành phố năm 2018 thực hiện so với dự toán (*không kể thu tiền sử dụng đất*) được UBND tỉnh giao.

b) 50% tăng thu ngân sách huyện, thành phố dự toán năm 2018 so với dự toán năm 2017 (*không kể thu tiền sử dụng đất*) được UBND tỉnh giao.

c) 50% tăng thu ngân sách huyện, thành phố dự toán năm 2019 so với dự toán năm 2018 (*không kể thu tiền sử dụng đất*) được UBND tỉnh giao.

d) 50% kinh phí ngân sách địa phương giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính (*do thực hiện tinh giản biên chế và đổi mới, sắp xếp lại bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*) và các đơn vị sự nghiệp công lập (*do thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập*).

đ) 10% tiết kiệm chi thường xuyên (*trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ*) dự toán năm 2019 đã được cấp có thẩm quyền giao.

e) Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2019. Riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập (*nếu có*) sử dụng tối thiểu 35%. Phạm vi trích số thu được để lại được thực hiện theo quy định riêng của Bộ Tài chính về nhu cầu và nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2019.

g) Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2018 trở về trước chưa sử dụng chuyển sang.

4. UBND các huyện, thành phố sau khi thực hiện các biện pháp tạo nguồn như trên mà không đủ nguồn thì ngân sách tỉnh hỗ trợ để đảm bảo nguồn thực hiện.

Điều 5. Thời gian phân bổ, giao dự toán và nhập dự toán vào hệ thống Tabmis

1. UBND huyện, thành phố căn cứ quyết định của UBND tỉnh về giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách, trình HĐND cùng cấp quyết định dự toán thu, chi ngân sách huyện, thành phố trước ngày 25/12/2018. UBND cấp xã căn cứ quyết định của UBND cấp huyện về giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách trình HĐND cùng cấp quyết định dự toán thu, chi ngân sách và phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp xã trước ngày 31/12/2018.

2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2019 được UBND giao, đơn vị dự toán cấp I của các cấp ngân sách địa phương thực hiện phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc, gửi cơ quan tài chính cùng cấp, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện theo đúng quy định tại Điều 49, Điều 50 Luật NSNN, Điều 31 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật NSNN và Điều 13 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ (*kèm theo các tài liệu thuyết minh cơ sở tính toán, căn cứ pháp lý và báo cáo phân bổ, giao dự toán ngân sách*). Đồng thời, trường hợp cơ quan tài chính thống nhất với việc phân bổ và giao dự toán của đơn vị dự toán cấp I thì cơ quan tài chính có văn bản thông báo cho đơn vị dự toán cấp I biết. Trường hợp đơn vị dự toán cấp I không thống nhất với yêu cầu của cơ quan tài chính thì đơn vị dự toán cấp I báo cáo UBND trong phạm vi 05 ngày làm việc.

Ngoài ra, trường hợp các nhiệm vụ chưa xác định được rõ đơn vị thực hiện trong dự toán đầu năm của các đơn vị dự toán cấp I và các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương của UBND cùng cấp cho phép thực hiện, căn cứ quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn Luật và tình hình thực tế ở địa phương thực hiện một trong hai phương án như sau:

a) Sau khi UBND giao dự toán ngân sách, các đơn vị dự toán cấp I, căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc và dự kiến nhiệm vụ giao cho các đơn vị để thực hiện giao dự toán ngân sách cho các đơn vị trực thuộc; đồng thời, trong quyết định giao dự toán ghi rõ các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương của UBND cho phép thực hiện và chỉ được thực hiện khi được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh trường hợp có đơn vị thừa, đơn vị thiếu kinh phí, thì đơn vị dự toán cấp I thực hiện việc điều chỉnh dự toán giữa các đơn vị trực thuộc theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn;

b) Cơ quan tài chính báo cáo UBND cùng cấp chưa giao cho các đơn vị dự toán cấp I đối với các nhiệm vụ chưa xác định được rõ đơn vị thực hiện trong dự toán đầu năm của các đơn vị dự toán cấp I và các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương của UBND cho phép thực hiện. Khi phát sinh nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền quyết định, cơ quan tài chính báo cáo

UBND cùng cấp đề ban hành quyết định giao bổ sung dự toán cho các đơn vị dự toán cấp I.

3. Việc nhập dự toán vào hệ thống Tabmis được thực hiện theo quy định tại các văn bản của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy trình thủ tục nhập dự toán vào hệ thống Tabmis.

Điều 6. Tổ chức quản lý thu ngân sách

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 55 Luật NSNN. Đồng thời, UBND các cấp, cơ quan Thuế, Hải quan và các cơ quan liên quan lưu ý triển khai một số nội dung sau:

a) Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định pháp luật về thuế đã được sửa đổi, bổ sung và có hiệu lực thi hành.

b) Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của Tỉnh. Tiếp tục triển khai thực hiện liên thông văn bản điện tử từ tỉnh đến cấp huyện, cấp xã theo Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 về Chính phủ điện tử và Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; ứng dụng công nghệ thông tin gắn kết với cải cách hành chính, khai, nộp, hoàn thuế điện tử và các nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh.

2. Cơ quan Thuế, Hải quan và các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện nghiêm Chi thị số 15/CT-TTg ngày 15/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và Chi thị số 04/CT-BTC ngày 15/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc tăng cường công tác quản lý nợ và cưỡng chế thu hồi nợ thuế để giảm nợ đọng ngành thuế quản lý.

3. Cơ quan Thuế, Hải quan tăng cường theo dõi, kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế, việc khai báo tên hàng, mã hàng, thuế suất, trị giá, số lượng,... để phát hiện kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, gian lận thuế. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, xử lý nợ đọng thuế, đấu tranh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, trốn thuế, chuyển giá,... bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào NSNN. Quản lý hoàn thuế GTGT theo đúng quy định của pháp luật, điều hành hoàn thuế GTGT trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao năm 2019; đồng thời tạo điều kiện cho người nộp thuế; thực hiện kiểm tra trước và sau hoàn thuế theo quy định của pháp luật và mức độ rủi ro; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm đối với các hành vi gian lận, lợi dụng chính sách hoàn thuế, chiếm đoạt tiền từ NSNN.

Thực hiện rà soát rà soát các dự án hết thời gian ưu đãi miễn, giảm thuế; các giấy phép cấp quyền khai thác khoáng sản để triển khai thu đúng, thu đủ

và kịp thời các khoản thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Rà soát, xác định cụ thể các đối tượng đang được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trên địa bàn, nhất là các dự án hết thời gian được hưởng ưu đãi theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, giao cơ quan tài nguyên và môi trường hoàn chỉnh hồ sơ về đất đai, chuyển cho cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính và đơn đốc, thu nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thu từ đất đai vào NSNN.

4. Các cơ quan, đơn vị tỉnh, các huyện, thành phố triển khai đầy đủ, kịp thời Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật; Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 02/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công. Tổ chức việc rà soát, kiểm tra, đơn đốc thực hiện các phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe ô tô, máy móc, thiết bị bảo đảm theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công.

5. Các sở, ban ngành, cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, các huyện, thành phố không hạch toán các khoản thu phí, lệ phí đã chuyển sang giá dịch vụ theo quy định của Luật Phí và lệ phí vào NSNN. Khẩn trương thực hiện việc khoán chi phí hoạt động hoặc xác định khoản trích lại của các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập. Chỉ thực hiện nộp ngân sách đối với khoản phí, lệ phí còn lại theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại văn bản số 6084/BTC-NSNN ngày 25/5/2018.

Điều 7. Tổ chức điều hành dự toán chi ngân sách địa phương

Các sở, ban ngành tỉnh, các huyện, thành phố và đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện chi ngân sách trong phạm vi dự toán ngân sách được giao; cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước tổ chức điều hành ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Trong đó lưu ý:

1. Đối với nguồn vốn vay ODA và vay ưu đãi: Thực hiện theo đúng quy định của Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn Luật Quản lý nợ công.

2. Các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp với cơ quan tài chính chủ động bố trí vốn ngay từ đầu năm cho các dự án công trình quan trọng theo chế độ quy định, nhất là các dự án xây dựng tu bổ các công trình đê điều, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, khắc phục hậu quả lũ lụt, dự án di dân ra khỏi vùng sạt lở nguy hiểm đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện các dự án, công trình; đối với những dự án, công trình thực hiện không đúng tiến độ phải kịp thời quyết định hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh để chuyển vốn cho những dự án có tiến độ triển khai nhanh, có khả năng hoàn thành trong năm 2019 nhưng chưa được bố trí đủ vốn.

4. Đối với cấp tỉnh, nếu có nhu cầu chi các nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh trên diện rộng với mức độ nghiêm trọng, nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ cấp bách khác phát sinh ngoài dự toán mà sau khi sắp xếp lại ngân sách, sử dụng hết dự phòng ngân sách mà vẫn chưa đủ nguồn, UBND tỉnh quyết định sử dụng Quỹ Dự trữ tài chính cấp tỉnh để đáp ứng các nhu cầu chi theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Luật NSNN.

5. Đối với các huyện, thành phố nếu có nhu cầu chi đột xuất phát sinh ngoài dự toán nhưng không thể trì hoãn được mà dự phòng ngân sách không đủ đáp ứng, thì phải sắp xếp lại các khoản chi trong dự toán được giao để đáp ứng nhu cầu chi đột xuất đó.

6. Đối với số thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết và các nguồn thu khác gắn với nhiệm vụ chi cụ thể, trong điều hành cần căn cứ dự toán đã được giao và tiến độ thực hiện thu thực tế, trường hợp dự kiến giảm thu so với dự toán, đồng thời NSĐP không thể bù đắp từ các khoản tăng thu khác thì phải chủ động rà soát, cắt giảm hoặc giãn tiến độ thực hiện các công trình, dự án được bố trí từ nguồn thu này.

7. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp với cơ quan tài chính thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách ở các đơn vị, ngân sách cấp dưới; quản lý chặt chẽ các khoản chi NSNN theo đúng dự toán được giao, giải ngân vốn trong phạm vi kế hoạch, vay nợ trong hạn mức được giao; hạn chế tối đa việc ứng trước dự toán, các trường hợp ứng thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN. Thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên; giảm mạnh kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết; đi nghiên cứu, khảo sát ở nước ngoài; huyện Lý Sơn không sử dụng ngân sách của địa phương để tiếp khách các đoàn tham quan, du lịch; bố trí kinh phí mua sắm trang thiết bị chặt chẽ, đúng quy định; đẩy mạnh việc thực hiện khoán sử dụng xe công. Tiếp tục cải cách hành chính và mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin đi đôi với tăng cường giám sát trong quản lý chi NSNN; chủ động sắp xếp chi thường xuyên, ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng, bảo đảm nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội và điều chỉnh tiền lương, không để xảy ra tình trạng nợ lương cán bộ, công chức, viên chức, các khoản chi cho con người và chính sách đảm bảo xã hội theo chế độ.

Trường hợp phát hiện các cấp, đơn vị sử dụng ngân sách không đúng chính sách, chế độ, nhất là liên quan đến mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội, xoá đói giảm nghèo,... cần có biện pháp xử lý kịp thời để đảm bảo chính sách, chế độ được thực hiện đúng và có hiệu quả.

8. UBND tỉnh không giải quyết bổ sung kinh phí ngoài dự toán giao đầu năm đối với những nhiệm vụ chi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho chủ trương trước thời điểm xây dựng dự toán hàng năm, nhưng không lập dự toán gửi cơ quan tài chính để tổng hợp báo cáo theo quy định.

9. Định kỳ hàng tháng (*chậm nhất vào ngày 15 hàng tháng*) báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi NSNN theo quy định (*đối với các huyện, thành phố, báo cáo bao gồm tình hình sử dụng nguồn dự phòng và nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện, thành phố*).

10. Đẩy nhanh việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Đối với việc sử dụng phần kinh phí NSNN giảm chi do thực hiện các Nghị quyết này theo nguyên tắc:

a) 50% bổ sung vào nguồn cải cách tiền lương để thực hiện chi trả tiền lương tăng thêm do tăng mức lương cơ sở trong từng lĩnh vực chi tương ứng;

b) 50% còn lại thực hiện chi trả các chính sách an sinh xã hội do địa phương ban hành và tăng chi cho nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất của lĩnh vực tương ứng.

Kết thúc năm ngân sách 2019, UBND các huyện, thành phố báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện phần giảm chi NSNN chi tiết các nội dung theo quy định tại điểm a, b khoản này.

11. NSNN không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Trường hợp được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật thì phải phù hợp với khả năng của NSNN và chỉ thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện: được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; có khả năng tài chính độc lập; có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của NSNN.

Điều 8. Thực hiện cấp phát, thanh toán kinh phí

1. Đối với các đơn vị sử dụng ngân sách:

Căn cứ dự toán ngân sách năm được giao, đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện rút dự toán chi theo chế độ, định mức chi ngân sách đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tiến độ, khối lượng thực hiện nhiệm vụ; đảm bảo nguyên tắc:

a) Các khoản chi thanh toán cá nhân (*lương, phụ cấp lương, trợ cấp xã hội,...*) đảm bảo thanh toán chi trả từng tháng cho các đối tượng hưởng lương, trợ cấp từ NSNN. Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc chi trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương; Kho bạc Nhà nước phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán triển khai thực hiện nghiêm túc việc trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo Chỉ thị số 20/2007/CT-TTg ngày 24/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Trích nộp các khoản đóng góp (*Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn*) kịp thời cho cơ quan Bảo hiểm xã hội theo đúng quy định của pháp luật.

c) Những khoản chi có tính chất thời vụ hoặc chi phát sinh vào một số thời điểm như đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, sửa chữa lớn và các khoản có tính chất không thường xuyên khác: Thực hiện thanh toán theo tiến độ, khối lượng thực hiện đối với các khoản chi có hợp đồng và thực hiện thanh toán theo chế độ quy định đối với các khoản chi không có hợp đồng; đảm bảo việc chi NSNN trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao.

2. Thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước đối với các nhiệm vụ chi theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Thực hiện cấp bằng hình thức lệnh chi tiền đối với các nhiệm vụ chi theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Đối với các cơ quan Đảng, lĩnh vực an ninh quốc phòng, việc cấp phát bằng hình thức lệnh chi tiền được thực hiện theo các văn bản riêng.

4. Trường hợp trong năm ngân sách cấp trên ứng trước dự toán bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư năm sau cho ngân sách cấp dưới, khi rút dự toán và chi từ nguồn ứng trước phải hạch toán thu, chi vào ngân sách năm sau theo quy định.

5. Đối với số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới:

a) Mức rút số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới: Được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

b) Mức rút số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới (*bao gồm cả bổ sung có mục tiêu ngoài dự toán giao đầu năm*): Được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

c) Hạch toán các khoản bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới ở địa phương thực hiện như quy định đối với các khoản bổ sung từ ngân sách Trung ương cho NSDP.

6. Việc rà soát, đối chiếu số liệu rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Định kỳ hàng tháng, chậm nhất vào ngày 15 của tháng sau, Kho bạc Nhà nước tỉnh, huyện thực hiện tổng hợp, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp về kết quả rút dự toán chi bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới trong tháng trước theo quy định hiện hành. Trường hợp phát hiện các địa phương rút dự toán chi bổ sung cân đối, bổ

sung có mục tiêu không đúng quy định, Kho bạc Nhà nước địa phương có văn bản thông báo cho cơ quan tài chính cùng cấp biết, đồng thời tạm dừng rút dự toán chi bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu không đúng quy định.

7. Về chi trả nợ của NSNN được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 9. Thực hiện điều chỉnh dự toán đơn vị sử dụng ngân sách

1. Trường hợp đơn vị dự toán cấp I được cấp có thẩm quyền giao bổ sung dự toán để thực hiện nhiệm vụ phát sinh, chậm nhất 10 ngày làm việc (*kể từ ngày nhận được quyết định giao bổ sung dự toán*), đơn vị dự toán cấp I phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán theo quy định tại Điều 49, Điều 50 Luật NSNN.

2. Trường hợp có yêu cầu điều chỉnh dự toán giữa các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc mà không làm thay đổi tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi được giao, đơn vị dự toán cấp I có trách nhiệm xem xét sự cần thiết, căn cứ điều chỉnh, kiểm tra số dư dự toán của các đơn vị sử dụng ngân sách có liên quan, quyết định điều chỉnh dự toán, đồng thời gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra theo quy định và thực hiện điều chỉnh dự toán trên hệ thống Tabmis, đồng gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch làm căn cứ kiểm soát chi, thanh toán. Trường hợp cơ quan tài chính kiểm tra, không thống nhất với việc điều chỉnh của đơn vị dự toán cấp I hoặc kiểm tra không còn đủ số dư dự toán để điều chỉnh, thì thông báo cho đơn vị dự toán cấp I để điều chỉnh lại.

3. Trường hợp điều chỉnh dự toán từ kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ sang kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, kinh phí không thường xuyên sang kinh phí thường xuyên, điều chỉnh nhiệm vụ chi trong phạm vi dự toán kinh phí được giao không tự chủ, không thường xuyên nhưng đã được ghi chú theo nhiệm vụ chi trong quyết định giao dự toán đầu năm hoặc quyết định giao dự toán bổ sung trong năm của cấp có thẩm quyền, đơn vị cần phải có ý kiến thống nhất của cơ quan tài chính để đảm bảo việc phân bổ kinh phí thực hiện được các nhiệm vụ được giao. Thời hạn đơn vị gửi cơ quan tài chính cùng cấp đề nghị điều chỉnh dự toán chậm nhất trước ngày 31 tháng 10 năm hiện hành.

4. Thời gian điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách hoàn thành trước ngày 15 tháng 11 năm hiện hành, đồng thời gửi cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra và điều chỉnh trên hệ thống tabmis theo quy định.

5. Việc điều chỉnh dự toán chi đầu tư phát triển được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

Điều 10. Thực hiện chuyển nguồn sang năm sau

Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi chuyển nguồn sang năm sau, chi chuyển nguồn theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 64 Luật NSNN, Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của

Luật NSNN và các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về điều hành dự toán NSNN năm 2019.

Điều 11. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng

Các sở, ban ngành, các huyện, thành phố tổ chức chỉ đạo thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm và chống lãng phí. Đồng thời xử lý kịp thời, đầy đủ những sai phạm được phát hiện qua công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân và thực hiện chế độ trách nhiệm đối với thủ trưởng đơn vị sử dụng NSNN trong quản lý điều hành ngân sách khi để xảy ra thất thoát, lãng phí, sử dụng ngân sách sai chế độ, chính sách.

Điều 12. Thực hiện công khai tài chính, ngân sách nhà nước

1. Các cấp ngân sách thực hiện công khai NSNN theo quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách.

UBND cấp tỉnh thiết lập trên Trang/Cổng thông tin điện tử của UBND, đồng thời chỉ đạo Sở Tài chính và UBND cấp huyện (*đối với những huyện đã có Trang/Cổng thông tin điện tử*) lập chuyên mục công khai ngân sách trên Trang/Cổng thông tin điện tử để công khai số liệu, báo cáo thuyết minh ngân sách theo quy định, trong đó tạo lập các chuyên mục con theo các nội dung công khai sau:

- a) Dự toán NSĐP trình HĐND;
- b) Dự toán NSĐP đã được HĐND quyết định;
- c) Tình hình thực hiện dự toán NSĐP trong năm (*quý, 06 tháng, 09 tháng, năm*);
- d) Quyết toán NSĐP đã được HĐND phê chuẩn;
- đ) Tổng hợp tình hình công khai.

2. Các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được NSNN hỗ trợ thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Các cơ quan, đơn vị được sử dụng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn NSNN thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn NSNN.

4. Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các quỹ có nguồn từ NSNN và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân thực hiện công khai theo hướng dẫn tại Thông tư số 19/2005/TT-BTC ngày 11/3/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công khai tài chính đối với các quỹ có nguồn từ NSNN và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân.

5. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện công khai theo quy định tại Mục 2 Chương XIV Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Điều 9, Điều 10, Điều 11 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

6. Đối với các khoản hỗ trợ trực tiếp của nhà nước đối với cá nhân, dân cư việc công khai được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 54/2006/TT-BTC ngày 19/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn quy chế công khai hỗ trợ trực tiếp của NSNN đối với cá nhân dân cư.

7. Đẩy mạnh việc đăng tải công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng những trường hợp trốn thuế, gian lận thuế, chây ì không nộp thuế đúng thời hạn theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và áp dụng đối với năm ngân sách 2019.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bởi văn bản mới thì áp dụng theo văn bản mới đó.

Điều 14. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có những vướng mắc kịp thời báo cáo UBND tỉnh (*thông qua Sở Tài chính*) để giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như Điều 14;
- Bộ Tài chính (b/cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- BTT Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- VPUB: PCVP, các P.N/cứu, QTTV, CBTH;
- Lưu: VT, KT.dat08.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Căng